

2.3 Quy định số 2534/QĐ-HV ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Giám đốc Học viện về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ.

**BỘ QUỐC PHÒNG
HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2534** /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Sau đại học tại Tờ trình số 294/TTr-SDH ngày 07 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quy định tạm thời đào tạo trình độ thạc sĩ số 3156/QĐ-HV ngày 08/10/2010 của Giám đốc Học viện.

Điều 3. Đồng chí Trưởng phòng Sau đại học, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- GD, PGD Thái;
- P1, P4, P6, P7 (03), P8, P9;
- P10, P12, P13, K11, K12, K13;
- K21, K22, K23, K24, K31, K32;
- K7, V2, K51, H5;
- Lưu: BM, QL/P7; S28.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Thiếu tướng Nguyễn Công Định

QUY ĐỊNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2534 /QĐ-HV ngày 12 tháng 7 năm 2016)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định chi tiết về hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Kỹ thuật Quân sự, bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan đơn vị trong Học viện, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài Học viện tham gia vào quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

Điều 3. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do Học viện quyết định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ từ một đến hai năm học. Cụ thể:
 - a) Tối thiểu một năm học đối với những ngành, chuyên ngành mà ở trình độ đại học có thời gian đào tạo từ 5 năm học trở lên và khối lượng kiến thức tích lũy được từ 150 tín chỉ trở lên;
 - b) Từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với những ngành, chuyên ngành không thuộc quy định tại Điểm a, Khoản này;
 - c) Căn cứ vào quy định về chương trình đào tạo tại Khoản 3, Điều 20 Quy định này, Giám đốc Học viện quy định cụ thể thời gian đào tạo tối đa cho từng chương trình. Thời gian đào tạo kéo dài tối đa không được quá hai năm so với thời gian quy định tại Điểm a, b Khoản này.

Chương II **TUYỂN SINH**

Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức 2 lần mỗi năm. Vào tháng 12 hàng năm, Học viện báo cáo Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch và đăng ký tuyển sinh (theo mẫu báo cáo của Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh là trụ sở của Học viện ghi trong hồ sơ đăng ký mở ngành và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài địa điểm nêu trên phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

4. Các quy định của Học viện về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Học viện (www.mta.edu.vn).

Điều 5. Các môn thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi: môn ngoại ngữ, môn cơ bản, môn cơ sở. Cụ thể như sau:

a) Môn ngoại ngữ: Ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là tiếng Anh hoặc tiếng Nga. Trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển được xác định căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của học viên trước khi bảo vệ luận văn được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

b) Môn cơ bản, môn cơ sở được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Các môn thi tuyển sinh, được xác định trong đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi môn thi tuyển sinh hoặc phương thức kiểm tra năng lực thí sinh do Giám đốc Học viện quyết định theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện và phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo tuyển sinh.

3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Học viện thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh hoặc tiếng Nga, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng và ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh hoặc tiếng Nga;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Nga;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy định này hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép

hoặc công nhận. Học viện thẩm định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của chứng chỉ ngoại ngữ trước khi công nhận tương đương theo Phụ lục của Quy định này.

Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ (TC) của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc TC của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý do Giám đốc Học viện quy định trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do Giám đốc Học viện quyết định theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

Điều 7. Học bổ sung kiến thức

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 6 Quy định này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi.

2. Trên cơ sở đề nghị của viện trưởng, chủ nhiệm khoa chuyên ngành (trưởng đơn vị chuyên môn) phụ trách ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, Giám đốc Học viện quyết định:

a) Việc học bổ sung kiến thức đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp và được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh;

b) Nội dung kiến thức cần học bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại Khoản 1 và Điểm a Khoản này;

c) Tổ chức việc học bổ sung và công khai quy định về học bổ sung trên website của Học viện.

Điều 8. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

1. Về văn bằng:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 Quy định này có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

d) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

đ) Căn cứ vào điều kiện và yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo, Giám đốc Học viện quy định cụ thể về điều kiện văn bằng của thí sinh dự thi.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

a) Đối với ngành kỹ thuật: Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những đối tượng còn lại được dự thi sau khi tốt nghiệp ít nhất một năm kể từ ngày tốt nghiệp đại học đến trước ngày thi tuyển sinh môn đầu tiên;

b) Đối với ngành quản lý: Người dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành đăng ký dự thi.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại Điểm e Khoản 1, Điều 9 Quy định này, Giám đốc Học viện xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

6. Đối với công dân nước ngoài do các cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo Quy định này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi quy định tại Điểm b Khoản 1, Điều 5 Quy định này và do Giám đốc Học viện quy định.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Học viện ra thông báo tuyển sinh chậm nhất ba tháng trước ngày thi tuyển sinh. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại bảng tin và đăng trên website của Học viện; thông tin trên báo và đăng trên website của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi qua địa chỉ: duatin@moet.edu.vn).

2. Nội dung thông báo tuyển sinh gồm: điều kiện dự thi; danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành khác được dự thi theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, chuyên ngành đào tạo; các môn thi tuyển sinh, nội dung thi và dạng thức đề thi; môn thi được cộng điểm ưu tiên; hồ sơ đăng ký dự thi; địa điểm, thời gian nhận hồ sơ, lịch thi tuyển; thời điểm công bố kết quả tuyển sinh; khai giảng khóa học và thời gian đào tạo; các thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ thi tuyển sinh.

Điều 11. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký được quy định trong thông báo tuyển sinh hàng năm; Hội đồng tuyển sinh lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh chậm nhất 3 tuần trước ngày thi môn đầu tiên.

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi phải được công bố công khai trên website của Học viện chậm nhất 3 tuần trước ngày thi môn đầu tiên.

Điều 12. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng

1. Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) do Giám đốc Học viện quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Giám đốc Học viện hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc uỷ quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng: Phó Giám đốc, Chính ủy, Phó Chính ủy;

c) Ủy viên thường trực: Trưởng hoặc Phó Trưởng Phòng Sau đại học;

d) Các uỷ viên: một số trưởng hoặc phó chỉ huy trưởng đơn vị liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do Chủ tịch HĐTS quyết định thành lập.

3. Giám đốc Học viện quy định:

a) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng, phó Chủ tịch hội đồng, uỷ viên thường trực và các uỷ viên của hội đồng;

b) Tổ chức của các ban giúp việc cho HĐTS, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên tham gia các ban này.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia HĐTS và các ban giúp việc cho hội đồng.

Điều 13. Đề thi tuyển sinh

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Học viện, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Dạng thức đề thi do Giám đốc Học viện quyết định trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn, được nêu rõ trong thông báo tuyển sinh. Dạng thức đề thi môn ngoại ngữ phải đảm bảo xác định được trình độ ngoại ngữ theo quy định của Học viện, căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục

và Đào tạo ban hành (sau đây gọi là Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

3. Người ra đề thi (bao gồm người soạn thảo ngân hàng đề thi, người giới thiệu đề nguồn, trưởng môn thi và người phản biện đề thi) phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập:

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trưởng môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch HĐTS trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10 hoặc thang điểm khác có thể quy điểm toàn bài về thang điểm 10.

7. Giám đốc Học viện quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến đề thi tuyển sinh theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo.

8. Chủ tịch HĐTS chịu trách nhiệm: tổ chức ra đề thi theo đúng nội dung của Quy định này; quyết định về việc xử lý các sự cố bất thường phát sinh trong công tác ra đề thi.

Điều 14. Tổ chức thi tuyển sinh

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải được đưa vào thông báo tuyển sinh.

2. Khu vực thi phải được bố trí tương đối độc lập, an toàn, yên tĩnh; phải đảm bảo tối thiểu 2 giám thị/tối đa 30 thí sinh; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên.

3. Giám đốc Học viện quy định cụ thể việc tổ chức thi tuyển sinh để đảm bảo minh bạch, an toàn, nghiêm túc, chất lượng; quy định thời gian làm bài của từng môn thi, nội quy phòng thi, tiêu chuẩn giám thị và các vấn đề khác theo yêu cầu của việc tổ chức kỳ thi tuyển sinh.

4. Chủ tịch HĐTS chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo nội dung của Quy định này.

Điều 15. Chấm thi tuyển sinh

1. Giám đốc Học viện, căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, quy định cụ thể về quy trình xây dựng đáp án, tiêu chuẩn cán bộ chấm thi, xử lý kết quả chấm thi, phúc khảo điểm thi và các vấn đề cần thiết khác theo yêu

cầu của công tác chấm thi tuyển sinh. Không thực hiện việc làm tròn điểm trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Trường ban chấm thi chịu trách nhiệm về công tác tổ chức chấm thi tuyển sinh theo đúng nội dung của Quy định; phải kịp thời báo cáo với chủ tịch HĐTS về các sự cố bất thường, chưa được quy định, phát sinh trong công tác chấm thi để được chỉ đạo giải quyết.

3. Cán bộ chấm thi chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chấm thi; đảm bảo việc chấm thi công bằng, khách quan, theo đúng đáp án; chịu trách nhiệm về kết quả chấm thi và bị xử lý kỷ luật nếu chấm sai dẫn đến thay đổi kết quả trúng tuyển của thí sinh.

4. Hội đồng tuyển sinh phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu hợp pháp của hội đồng chấm thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có).

Điều 16. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), HĐTS xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn cơ sở;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Giám đốc Học viện căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

Điều 17. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên

1. Chủ tịch HĐTS báo cáo Giám đốc Học viện kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển. Giám đốc Học viện quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của Học viện.

2. Học viện gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Quốc Phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 33 Quy định này.

Điều 18. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh

1. Hoạt động thanh tra tuyển sinh thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hoạt động

kiểm tra công tác tuyển sinh thực hiện theo quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cơ quan quản lý có thẩm quyền.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ quản của Học viện thành lập các đoàn thanh tra hoặc cử cán bộ phối hợp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh ở Học viện.

3. Giám đốc Học viện chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại cơ sở mình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 19. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng ứng dụng và/hoặc theo định hướng nghiên cứu, cụ thể:

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 20. Yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo

Khi xây dựng chương trình phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Căn cứ vào năng lực, điều kiện và định hướng phát triển đối với từng ngành, chuyên ngành đào tạo của Học viện và nhu cầu thực tế của việc sử dụng nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ để xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và/hoặc theo định hướng ứng dụng.

2. Xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của mỗi ngành, chuyên ngành đào tạo; khối lượng kiến thức, cấu trúc chương trình và yêu cầu đối với luận văn phù hợp với định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng và phù hợp với các quy định hiện hành.

3. Khối lượng kiến thức:

a) Đảm bảo khối lượng theo khung chương trình được nêu tại khoản 2 điều 21 của Quy định này;

b) Đối với những học viên tốt nghiệp đại học những ngành, chuyên ngành ở trình độ đại học tương ứng có khối lượng kiến thức tối thiểu tích lũy từ 135 TC trở lên sẽ được xét miễn giảm một số học phần nhưng phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu trình độ thạc sĩ là 45 TC;

c) Đối với học viên tốt nghiệp đại học những ngành, chuyên ngành ở trình độ đại học tương ứng có khối lượng kiến thức tối thiểu tích lũy từ 150 TC trở lên sẽ được xét miễn giảm một số học phần nhưng phải đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu trình độ thạc sĩ là 30 TC.

d) Khối lượng học tập của mỗi TC theo quy định của Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Học viện.

4. Nội dung chương trình hướng vào việc thực hiện mục tiêu và đạt được chuẩn đầu ra đã được xác định; đảm bảo cho học viên được bổ sung và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; nâng cao năng lực thực hiện công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học trong ngành, chuyên ngành đào tạo. Phần kiến thức ở trình độ đại học, nếu cần thiết phải nhắc lại thì không được quá 5% thời lượng quy định cho mỗi học phần.

Điều 21. Cấu trúc chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình: Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ.

2. Chương trình đào tạo.

a) Thời lượng chương trình đào tạo:

- Định hướng ứng dụng: 60 - 65 TC

- Định hướng nghiên cứu: 60 - 65 TC

b) Mỗi học phần (chuyên đề) có thời lượng 02 đến 03 TC với 02 dạng cấu trúc như sau:

- Cấu trúc 1: sử dụng cho các học phần cung cấp chủ yếu các kiến thức lý thuyết:

TT	Số TC	Cấu trúc 1	Số tiết xếp trên TKB	Phân bố số tiết lên lớp	
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận, tiểu luận
1	02	2(2,0)	30	30	0
2	03	3(3,0)	45	45	0

- Cấu trúc 2: sử dụng cho các học phần cần nhiều thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận, tiểu luận:

TT	Số TC	Cấu trúc 2	Số tiết xếp trên TKB	Phân bố số tiết lên lớp	
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận, tiểu luận
1	02	2(1,2)	45	15	30
2	03	3(2,2)	60	30	30

- Một tín chỉ được tính bằng: 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận, tiểu luận.

3. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ

TT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
1	Các học phần chung:	08 TC	08 TC
1.1	Triết học	03 TC	03 TC
1.2	Tiếng Anh	03 TC	03 TC
1.3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	02 TC	02 TC
2	Các học phần cơ sở ngành	21-23 TC	21-23 TC
2.1	Cơ sở ngành bắt buộc	12 TC	12 TC
2.2	Cơ sở ngành tự chọn	09-11 TC	09-11 TC
3	Các học phần chuyên ngành	19-22 TC	19-22 TC
3.1	Chuyên ngành bắt buộc	10 TC	10 TC
3.2	Chuyên ngành tự chọn	09-12 TC	09-12 TC
4	Hoạt động khoa học	Khuyến khích có báo cáo khoa học hoặc bài báo (theo hướng nghiên cứu của LVTN)	Báo cáo tại Hội nghị các nhà khoa học trẻ hoặc bài báo (theo hướng nghiên cứu của LVTN)
5	Luận văn tốt nghiệp	12 TC	12 TC
	Tổng:	60 - 65 TC	60 - 65 TC

Điều 22. Thẩm quyền xây dựng và ban hành chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo do Giám đốc Học viện chỉ đạo xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, việc xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực sử dụng lao động sau khi tốt nghiệp.

2. Sau mỗi khoá học, Giám đốc Học viện chỉ đạo xem xét sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Giám đốc Học viện quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được hội đồng khoa học và đào tạo của Học viện thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Chương IV HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 23. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ là trụ sở của Học viện được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Học viện sẽ tổ chức đào tạo một phần chương trình ở ngoài Học viện khi được cho phép hoặc có quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 24. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ. Thời gian thiết kế theo chương trình là 2 năm (4 học kỳ chính).

2. Các khóa học trình độ thạc sĩ được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu để thực hiện chương trình đào tạo.

Riêng đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Học viện có thể tổ chức tập trung từng đợt với điều kiện tổng thời gian tập trung để hoàn thành chương trình phải bằng thời gian theo quy định tại Điểm a, b Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Trong trường hợp này, thời gian để hoàn thành khóa học theo kế hoạch phải dài hơn thời gian thiết kế để hoàn thành chương trình đào tạo và phải tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này.

Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ đại học chính quy của Học viện, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan

Thời gian hoạt động giảng dạy trình độ thạc sĩ được thực hiện theo thời gian áp dụng cho hệ đại học chính quy của Học viện, có sự phục vụ của thư viện và các đơn vị liên quan.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

4. Đầu khóa học, phòng Sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo, thời gian đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Học viện có liên quan đến khóa học.

5. Quản lý các lớp chuyên ngành:

a) Lớp chuyên ngành: được tổ chức theo chuyên ngành của từng khóa đào tạo dựa trên kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh sau đại học và do Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập.

b) Các cơ quan, Hệ quản lý học viên sau đại học; khoa, viện chuyên ngành (đơn vị chuyên môn) thực hiện công tác quản lý học viên theo các quy định của Học viện.

c) Đăng ký học phần:

+ Phòng Sau đại học phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức cho học viên đăng ký để xây dựng chương trình đào tạo toàn khóa.

+ Việc đăng ký học phần thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Học viện.

6. Xét miễn học phần: Đối với các học viên thuộc đối tượng nêu trong Điểm b, c Khoản 3, Điều 20 Quy định này, đơn vị chuyên môn căn cứ vào chương trình học bậc đại học đề nghị phòng Sau đại học xem xét miễn, chuyển điểm của các học phần tương ứng vào bảng điểm cao học (nếu học viên không có nhu cầu học lại để cải thiện điểm);

7. Điều kiện để học viên được đăng ký học chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu:

a) Học viên thuộc các đối tượng: Công tác ở các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài quân đội; giáo viên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài quân đội.

b) Tốt nghiệp đại học chính quy dài hạn đạt loại khá trở lên.

c) Phải có đơn đề nghị xin được học chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu.

Phòng Sau đại học xem xét hồ sơ, số lượng học viên (không quá 20% tổng số học viên của chuyên ngành tương ứng) và trình Giám đốc Học viện ra Quyết định cho phép học viên được đào tạo theo định hướng nghiên cứu.

Điều 25. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra chuyên cần, thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

2. Điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Học phần đạt yêu cầu khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Trong đó:

a) Điểm chuyên cần là điểm đánh giá theo số giờ tham gia học tập, tinh thần, thái độ xây dựng bài;

b) Điểm thường xuyên là điểm trung bình cộng của tất cả các lần kiểm tra (15 phút, một tiết, tiểu luận, thí nghiệm, chuẩn bị bài tập ở nhà, kiểm tra nội dung giao tự học, nội dung xemina...);

c) Các trọng số tương ứng với mỗi đầu điểm, điều kiện dự thi, hoãn thi, tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành tại Học viện.

3. Điểm trung bình chung các học phần (DTBC) được tính theo công thức sau:

$$DTBC = \frac{\sum_{i=1}^N Diem_i * TC_i}{\sum_{i=1}^N TC_i}$$

Trong đó:

N – Số học phần;

$Diem_i$ – Điểm của học phần thứ i theo thang điểm 10;

TC_i – Số tín chỉ của học phần thứ i .

4. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 27 Quy định này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

5. Ngoài việc đánh giá học phần ngoại ngữ, Học viện định kỳ tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ tiếng Anh và cấp chứng nhận tương đương trình độ B1 cho học viên nhằm đảm bảo điều kiện bảo vệ luận văn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Điểm b, Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

Điều 26. Luận văn

1. Đề tài luận văn:

a) Đề tài luận văn do đơn vị chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn đồng ý và xác định rõ độ mật của nội dung đề tài luận văn. Nếu đề tài luận văn được xác định là mật thì học viên, cán bộ hướng dẫn, đơn vị chuyên môn thực hiện theo quy định bảo mật thông tin, tài liệu của Học viện.

b) Giám đốc Học viện ký quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của đơn vị chuyên môn và Trưởng Phòng Sau đại học;

c) Có thể thay đổi đề tài, người hướng dẫn trong thời gian 3 tháng từ lúc giao chính thức đề tài. Trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý, phòng Sau đại học sẽ trình Giám đốc Học viện xem xét quyết định.

d) Kiểm tra kết quả thực hiện luận văn:

- Thời gian kiểm tra kết quả thực hiện luận văn được quy định trong kế hoạch thực hiện luận văn của từng khóa;

- Đơn vị chuyên môn tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện luận văn;

- Xác định những đề tài luận văn có nội dung cần phải thực hiện theo chế độ tài liệu mật (đối với các đề tài luận văn chưa xác định là mật ở điểm a khoản này);

- Nội dung kiểm tra cần đánh giá được khả năng hoàn thành luận văn đúng hạn hay không, có chất lượng để có thể cho phép bảo vệ đúng kế hoạch.

đ) Tổ chức bảo vệ luận văn: được tiến hành 4 đợt trong một năm vào khoảng thời gian tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả

phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

đ) Luận văn phải được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

3. Học viện quy định cụ thể cách thức trình bày luận văn trong hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 27. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai; đơn vị chuyên môn lập danh sách cử người hướng dẫn gửi cho phòng Sau đại học theo thời gian ghi trong kế hoạch thực hiện luận văn;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10);

b) Có chứng chỉ đạt trình độ ngoại ngữ tiếng Anh tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục) do một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc có chứng nhận B1 do Học viện cấp trong thời hạn 2 năm;

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của cán bộ hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu về nội dung, hình thức theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 26 Quy định này và gửi về Phòng Sau đại học trước thời gian bảo vệ ít nhất 1 tháng (thời gian cụ thể ghi trong kế hoạch thực hiện luận văn);

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;

e) Đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu, học viên phải có ít nhất 1 bài báo đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu của hội nghị khoa học từ cấp Học viện trở lên. Trong trường hợp chưa kịp xuất bản thì bài báo phải có giấy chấp nhận đăng của Tạp chí hoặc Kỷ yếu hội nghị khoa học.

Điều 28. Hội đồng đánh giá luận văn

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của đơn vị chuyên môn và Trưởng phòng Sau đại học, trong thời

hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại Khoản 2, Điều 27 Quy định này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài Học viện, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ được đảm nhận một chức trách trong Hội đồng.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên hội đồng ngoài Học viện phải có tối thiểu một người đang làm công tác thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn;

d) Người hướng dẫn luận văn, người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy định này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, Phòng Sau đại học sẽ trình Giám đốc Học viện quyết định thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

Điều 29. Đánh giá luận văn

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng. Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong đợt bảo vệ tiếp theo; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Phòng Sau đại học sẽ trình Giám đốc Học viện quyết định giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Công tác tổ chức bảo vệ luận văn: Phòng Sau đại học và đơn vị chuyên môn có trách nhiệm làm công tác tổ chức bảo vệ luận văn, bao gồm:

a) Phòng Sau đại học: cung cấp cho đơn vị chuyên môn hồ sơ, các văn bản hướng dẫn, theo dõi, tổ chức bảo vệ luận văn.

b) Đơn vị chuyên môn: Chuẩn bị phòng có đủ phương tiện làm việc cần thiết để tổ chức bảo vệ; Gửi hồ sơ bảo vệ cho thư ký Hội đồng.

c) Tổ chức buổi bảo vệ, đánh giá luận văn được thực hiện theo qui trình sau:

- Thư ký hội đồng công bố văn bản quyết định thành lập hội đồng. Chủ tịch hội đồng thống nhất qui trình làm việc;

- Hội đồng tiến hành đánh giá luận văn theo trình tự: học viên trình bày luận văn; thư ký đọc nhận xét của cán bộ hướng dẫn; cán bộ phản biện đọc nhận xét; hội đồng, khách mời tham dự đặt câu hỏi; tác giả luận văn trả lời câu hỏi; hội đồng họp riêng cho điểm đánh giá luận văn;

- Chủ tịch hội đồng công bố kết quả bảo vệ, những yêu cầu chỉnh sửa luận văn cho học viên;

- Thư ký hội đồng chuyển cho học viên bản sao của các văn bản: Yêu cầu chỉnh sửa luận văn; kết luận của hội đồng và nhận xét của các phản biện.

- Thư ký hội đồng hoàn tất hồ sơ bảo vệ và bàn giao cho đơn vị chuyên môn. Đơn vị chuyên môn tổng hợp và bàn giao tất cả các hồ sơ bảo vệ cho Phòng Sau đại học trong vòng 7 ngày (không tính ngày nghỉ) sau ngày cuối cùng của đợt bảo vệ.

d) Sửa chữa và nộp luận văn: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bảo vệ luận văn, học viên có trách nhiệm chỉnh sửa luận văn theo kết luận của hội đồng (nếu phải chỉnh sửa), đóng kèm phía sau quyển luận văn: Văn bản có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch (hoặc thư ký) hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng; Bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện; Nộp luận văn tại Thư viện Học viện: số lượng quyển, đĩa CD, nội dung trong đĩa CD theo quy định của thư viện Học viện (riêng các đề tài luận văn được xác định là mật sẽ được đóng dấu mật và quản lý theo chế độ tài liệu mật của Học viện).

Điều 30. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định:

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này hoặc khi thấy cần thiết, Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện quyết định thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 28 Quy định này; trong đó, nếu có thành viên thuộc Học viện thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn:

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này;

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Học viện thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu:

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện quyết định dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các Khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng;

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện quyết định giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Phòng Sau đại học tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Khoản 2, Điều 27; Điều 28 và các Khoản 1, 2, 4 Điều 29 Quy định này;

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 31. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghỉ học tạm thời:

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Học viện chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại Học viện, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 hoặc tương đương và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

- c) Thủ tục xin nghỉ học tạm thời:
- Đơn xin nghỉ học tạm thời;
 - Các minh chứng được phép nghỉ học tạm thời theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này;

- Khi muốn đi học lại, học viên phải viết đơn gửi Phòng Sau đại học.

2. Chuyển cơ sở đào tạo:

a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển đến hoặc đi khỏi Học viện nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại cơ sở đào tạo, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này.

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo:

- Điều kiện được chuyển đến Học viện: chuyên ngành đào tạo của học viên phải đúng ngành, chuyên ngành Học viện đang đào tạo; nguyện vọng chuyển đến Học viện của học viên phải được sự đồng ý của Giám đốc Học viện và thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi.

- Điều kiện được chuyển đi đến cơ sở đào tạo khác: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của Giám đốc Học viện và thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến.

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

d) Thủ tục chuyển đến, chuyển đi như sau:

- Giám đốc Học viện xem xét và ra quyết định cho phép học viên chuyển đi hoặc tiếp nhận học viên chuyển đến Học viện tiếp tục học tập, trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học và hồ sơ xin chuyển cơ sở đào tạo của học viên.

- Hồ sơ chuyển đến Học viện bao gồm:

- + Đơn xin chuyển, có xác nhận của cơ quan hoặc địa phương;
- + Giấy xác nhận đủ điều kiện chuyển cơ sở đào tạo của nơi đang học;
- + Bản sao hoặc quyết định chỉ tiêu nơi đang học;
- + Bản sao hoặc quyết định trúng tuyển nơi đang học;
- + Giấy xác nhận kết quả học tập (Nếu có);
- + Bản sao bằng, bằng điểm tốt nghiệp đại học;

- Phòng Sau đại học xem xét trình Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận học viên và quyết định công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh với chương trình ở cơ sở đào tạo nơi học viên xin chuyển đi.

- Hồ sơ chuyển đến cơ sở đào tạo khác: Học viên phải có đơn xin chuyển cơ sở đào tạo và được Giám đốc Học viện phê duyệt; có văn bản đồng ý tiếp nhận của thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến.

Điều 32. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

b) Đã nộp luận văn theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 29 Quy định này;

c) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Học viện theo quy định tại Khoản 8, Điều 34 Quy định này.

d) Học viên đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định với Học viện.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của Phòng Sau đại học. Hội đồng do Giám đốc hoặc phó Giám đốc được ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng Phòng Sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng các đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đề nghị Giám đốc Học viện công nhận tốt nghiệp.

3. Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cấp cho học viên ghi rõ: số văn bằng, ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này, có yêu cầu thì được Phòng Sau đại học cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

Điều 33. Chế độ báo cáo, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo

a) Tháng 12 hàng năm, Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ của năm đó, bao gồm: Số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của Học viện và số liệu thực hiện kế hoạch tuyển sinh theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo; số học viên hiện có và số dự kiến tốt nghiệp năm sau; dự kiến số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh cho năm sau theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Thủ trưởng Học viện chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

2. Lưu trữ

a) Tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, đào tạo của Học viện được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ. Phòng Sau đại học phối hợp với Ban Bảo mật/ Văn phòng thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo quy định;

b) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Học viện;

c) Luận văn đã được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 30 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

d) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ được lưu trữ, bảo quản tối thiểu 5 năm, kể từ khi người học tốt nghiệp;

đ) Việc tiêu hủy tài liệu hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỌC VIỆN,
GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Học viện

1. Xác định chỉ tiêu, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo.
2. Xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành đã tuyển sinh; căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia để lập hồ sơ đăng ký đào tạo ngành, chuyên ngành mới khi có đủ điều kiện.
3. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.
4. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định.
5. Quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định công nhận học viên, quyết định công nhận học viên tốt nghiệp, cấp bằng điểm; cấp bằng và quản lý việc cấp bằng thạc sĩ theo quy định hiện hành.
6. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định.
7. Tự đánh giá và công bố công khai kết quả tự đánh giá chất lượng đào tạo; đăng ký tham gia kiểm định chương trình đào tạo thạc sĩ với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.
8. Công bố công khai trên website của Học viện: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo; chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy; danh sách học viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng thạc sĩ theo từng khoá học; toàn văn các luận văn đã bảo vệ đạt yêu cầu theo từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các đề tài luận văn đang được nghiên cứu (riêng các đề tài luận văn có liên quan tới lĩnh vực quân sự sẽ được quản lý theo chế độ quản lý tài liệu mật của Học viện); cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng (gồm đội ngũ giảng viên giảng dạy và hướng dẫn luận văn; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành, chuyên ngành) và các khoản thu, chi tài chính đối với người học và các thông tin khác theo quy định.
9. Căn cứ quy định của pháp luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội, các quy định của Học viện xử lý và công khai các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học viên.
10. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định tại Điều 33 Quy định này.
11. Bồi hoàn học phí cho người học nếu Học viện vi phạm Quy định này, vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng.
12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 35. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Giảng viên cơ hữu được quy định tại Điều lệ trường đại học.

3. Ngoài các tiêu chuẩn giảng viên đại học quy định tại Điều lệ trường đại học, giảng viên tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết chương trình đào tạo thạc sĩ phải có học vị tiến sĩ hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư; giảng viên giảng dạy học phần ngoại ngữ cho các chuyên ngành không chuyên ngôn ngữ nước ngoài, giảng viên giảng dạy học phần triết học hoặc người hướng dẫn thực hành, thực tập phải có học vị thạc sĩ trở lên.

4. Giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên (các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ... ở trong nước và nước ngoài) tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Học viện và của Nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.

3. Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Được hưởng các chính sách đối với giảng viên trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của Nhà nước và của Học viện.

5. Không được tự tổ chức hoặc thực hiện việc phụ đạo, hướng dẫn ôn tập với mục đích để người học dự thi tuyển sinh vào đào tạo trình độ thạc sĩ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các nhiệm vụ và quyền trên, người hướng dẫn luận văn cho học viên có thêm nhiệm vụ và quyền sau:

a) Hướng dẫn học viên xây dựng và thực hiện kế hoạch nghiên cứu đề tài;

b) Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc học viên nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tập theo yêu cầu của đề tài;

c) Từ chối không hướng dẫn học viên và thông báo bằng văn bản cho Học viện trong các trường hợp: đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại Điểm b, c, Khoản 1, Điều 27 Quy định này; sau một tháng kể từ ngày nhận quyết định cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ hoặc học viên không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng;

d) Xác nhận kết quả nghiên cứu và duyệt luận văn của học viên; đề nghị vào đơn xin bảo vệ của học viên và chịu trách nhiệm về việc đề nghị Học viện cho học viên bảo vệ luận văn nếu thấy đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định này.

Điều 37. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước và của Học viện; trong trường hợp không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định, học viên phải có đơn xin tiếp tục học tập gửi phòng Sau đại học.

2. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định của Học viện.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, công nhân viên, chiến sĩ của Học viện.

4. Được tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.
5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Học viện cho việc học tập, nghiên cứu.
6. Được đề nghị Học viện thay người hướng dẫn luận văn nếu sau một tháng, kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.
7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Học viện về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.
8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Học viện.
9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của Học viện dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.
10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra

1. Giám đốc Học viện chỉ đạo các cơ quan có chức năng tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.
2. Học viện có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm Quy định này của Học viện, của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên.
2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 40. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh:
Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo:
 - a) Học viên nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo Quy định này, theo quy định của Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Học viện. Đối với các trường hợp: thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì Phòng Sau đại học trình Giám đốc Học viện quyết định thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm;

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại Học viện nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

3. Học viện có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Áp dụng Quy định

1. Các khóa tuyển sinh từ ngày 30 tháng 6 năm 2014 trở về trước thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các khóa tuyển sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở đi thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy định này.

Điều 42. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Mọi điều chỉnh hoặc bổ sung Quy định này trong quá trình tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện do Giám đốc Học viện quyết định./.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Thiếu tướng Nguyễn Công Định

Phụ lục
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG
CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Quyết định số: 2534 /QĐ-HV ngày 12 tháng 7 năm 2016)

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Tiếng Nga

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga
3/6 (Khung VN)	TRKI 1